

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (sau đây gọi tắt là “ Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Suong - An Lạc. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103008732 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 28 tháng 9 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO - Xí nghiệp Xây dựng IDICO - IDI.

Địa chỉ của Chi nhánh tại: Số 560A Quốc lộ 1, Khu phố 6, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với Mã chứng khoán: HTI.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Thúc	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hồng Ninh	Ủy viên
	Ông Phan Văn Quang	Ủy viên
	Bà Trần Thúy Hương	Ủy viên
	Ông Lê Quốc Đạt	Ủy viên
Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Đăng Thanh	Trưởng ban
	Ông Nguyễn Công Minh	Thành viên
	Ông Lương Bình Minh	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Hồng Ninh	Giám đốc
	Ông Lê Quốc Đạt	Phó Giám đốc
	Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc
	Ông Khương Quốc Bình	Phó Giám đốc
	Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 24/11/2015)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban giám đốc,



Nguyễn Hồng Ninh

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2016

Số: 250/2016/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2016, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Anh Tuấn**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0779-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 11/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Tiến Trình**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1806-2015-137-1

0958
G T
H A
I A T
A P
C
T.P
10
3
H
10
:T
N

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		77.102.455.242	57.881.803.460
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8.336.932.869	8.717.294.888
1. Tiền	111		8.336.932.869	8.717.294.888
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		38.000.000.000	18.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	38.000.000.000	18.000.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.443.026.166	19.045.537.907
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	2.861.861.360	6.150.195.360
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.584.796.106	11.098.891.120
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	8.740.796.861	2.540.879.588
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(744.428.161)	(744.428.161)
IV- Hàng tồn kho	140		14.866.198.585	703.826.145
1. Hàng tồn kho	141	5.6	14.866.198.585	703.826.145
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		456.297.622	11.415.144.520
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		395.233.939	11.355.652.837
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	61.063.683	59.491.683
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		1.190.029.262.993	1.162.775.018.996
I Các khoản phải thu dài hạn	210		17.930.773.120	17.930.773.120
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	17.930.773.120	17.930.773.120
II Tài sản cố định	220		1.085.653.567.657	204.196.786.827
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	1.085.540.485.530	204.054.947.552
- Nguyên giá	222		1.789.066.687.968	795.669.969.168
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(703.526.202.438)	(591.615.021.616)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	113.082.127	141.839.275
- Nguyên giá	228		915.724.800	915.724.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(802.642.673)	(773.885.525)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		84.625.950.047	913.720.955.299
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	84.625.950.047	913.720.955.299
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	23.482.780.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	23.482.780.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		1.818.972.169	3.443.723.750
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		48.862.780	3.443.723.750
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.10	1.770.109.389	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.267.131.718.235	1.220.656.822.456

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		897.592.502.446	867.139.418.421
I- Nợ ngắn hạn	310		81.662.840.431	45.434.143.515
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	17.934.535.706	25.140.548.638
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		15.000.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	2.791.074.299	612.288.275
4. Phải trả người lao động	314		6.837.709.757	925.763.708
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	35.402.187.790	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	3.421.708.594	11.996.294.587
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	-	6.217.172.672
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		275.624.285	542.075.635
II- Nợ dài hạn	330		815.929.662.015	821.705.274.906
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	7.210.914.011	7.210.914.011
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.15	808.718.748.004	814.494.360.895
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		369.539.215.789	353.517.404.035
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	369.539.215.789	353.517.404.035
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		249.492.000.000	249.492.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		249.492.000.000	249.492.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		29.299.599.171	24.908.514.689
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		90.747.616.618	79.116.889.346
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		32.977.466.330	42.524.518.666
- LNST chưa phân phối kì này	421b		57.770.150.288	36.592.370.680
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.267.131.718.235	1.220.656.822.456

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Trường Vũ

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ

Giám đốc



Nguyễn Hồng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	303.450.470.360	179.459.197.346
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		303.450.470.360	179.459.197.346
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	171.710.250.989	110.481.431.691
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		131.740.219.371	68.977.765.655
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	1.790.539.438	2.097.606.576
7. Chi phí tài chính	22	5.20	24.529.413.461	2.970.704.385
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.529.413.461	2.970.704.385
8. Chi phí bán hàng	24	5.21	32.488.622.974	21.022.829.004
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	15.842.983.625	9.132.995.507
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		60.669.738.749	37.948.843.335
11. Thu nhập khác	31		172.727.289	511.202.375
12. Chi phí khác	32		14.371.218	2.000.004
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		158.356.071	509.202.371
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		60.828.094.820	38.458.045.706
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	4.828.053.921	1.865.675.026
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1.770.109.389)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		57.770.150.288	36.592.370.680
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	2.200	1.393

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Trường Vũ

Nguyễn Văn Thọ

Nguyễn Hồng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	60.828.094.820	38.458.045.706
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	111.939.937.970	92.412.010.357
- Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(1.790.539.438)	(2.097.606.576)
- Chi phí lãi vay	6	24.529.413.461	2.970.704.385
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	195.506.906.813	131.743.153.872
- Biến động các khoản phải thu	9	14.793.108.639	(6.345.499.956)
- Biến động hàng tồn kho	10	(14.162.372.440)	1.471.233.161
- Biến động các khoản phải trả	11	(22.724.561.072)	(18.244.168.914)
- Biến động chi phí trả trước	12	3.394.860.970	6.673.495.260
- Tiền lãi vay đã trả	14	(24.529.413.461)	(2.970.704.385)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.582.499.414)	(1.856.066.655)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	4.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.096.069.884)	(1.639.263.014)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>147.599.960.151</i>	<i>108.836.179.369</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(101.572.285.105)	(305.220.564.638)
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(180.000.000.000)	(64.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	160.000.000.000	54.000.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	23.482.780.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.558.789.438	2.097.606.576
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(96.530.715.667)</i>	<i>(313.122.958.062)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	62.254.391.589	303.425.028.806
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(74.247.177.152)	(73.356.452.180)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(39.456.820.940)	(24.733.882.171)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(51.449.606.503)</i>	<i>205.334.694.455</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	<i>(380.362.019)</i>	<i>1.047.915.762</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.717.294.888	7.669.379.126
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	8.336.932.869	8.717.294.888

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Trường Vũ

Nguyễn Văn Thọ

Nguyễn Hồng Ninh

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc tại quyết định số 389/QĐ-HĐTV3 ngày 19/9/2007 của Hội đồng thành viên Công ty, hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0302095576 (số cũ 410300873) cấp ngày 12 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 28 tháng 9 năm 2011. Vốn điều lệ: 249.492.000.000 đồng.

Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc là Công ty TNHH Hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 05/GP-ĐTTN ngày 08/09/2000 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thực hiện đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT) số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 được ký giữa Bộ Giao thông vận tải và Chủ đầu tư để xây dựng, cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A, đoạn An Sương - An Lạc thuộc địa phận Tp. Hồ Chí Minh; Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 01 số 05/GPĐC1-ĐTTN ngày 07/4/2004, Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 02 số 05/GPĐC2-ĐTTN ngày 20/8/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Chi tiết vốn góp:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tổng Công ty Đầu Tư Phát Triển Đô Thị và Khu Công Nghiệp Việt Nam - TNHH Một Thành Viên	93.559.500.000	93.559.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO	20.439.100.000	24.949.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	24.949.200.000	24.949.200.000
Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	24.949.200.000	24.949.200.000
Vốn góp của đối tượng khác	85.595.000.000	81.084.900.000
Tổng	249.492.000.000	249.492.000.000

Số lao động tại 31 tháng 12 năm 2015 là: 321 người (Tại 31 tháng 12 năm 2014 là: 346 người).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mã Chứng khoán: HTI.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, mua bán thiết bị ngành giao thông (không sản xuất tại trụ sở);
- Xây dựng nhà các loại;
- Thu gom rác không độc hại.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Thu phí sử dụng đường bộ theo giấy phép đầu tư số 05/GP-ĐTTN ngày 08/09/2000 và hợp đồng BOT số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 trong thời gian 145 tháng kể từ tháng 01/2005, thi công xây lắp công trình dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng giao thông.

1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư số 200/2014/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư số 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính) (chi tiết xem thuyết minh 6.4), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	12
Máy móc thiết bị	07
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

Đối với tài sản cố định hình thành từ Dự án đầu tư B.O.T An Sương - An Lạc được khấu hao trong thời gian 145 tháng, kể từ khi đưa vào hoạt động, tuy nhiên, do đặc thù hoạt động, Công ty được trích khấu hao tài sản hình thành từ dự án B.O.T An Sương - An Lạc theo phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm, phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án và được thực hiện bắt đầu từ năm 2009 theo Công văn 390/BTC-TCĐN ngày 08/01/2010 của Bộ Tài chính. Trước đây, công ty ước tính và áp dụng với tỷ lệ là 35,80%. Kể từ ngày 01/07/2013, tỷ lệ khấu hao tính trên doanh thu trong những năm cuối của thời kỳ thu phí giai đoạn 1 được điều chỉnh bổ sung theo doanh thu tăng ước tính và phù hợp với thời gian hoàn vốn còn lại. Tỷ lệ khấu hao trong kỳ áp dụng là 52,80% tính trên doanh thu.

Tài sản cố định vô hình trình bày phần mềm quản lý thu phí, quản lý doanh nghiệp được ghi nhận cơ sở giá gốc, khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 07 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoãn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và Công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty trong năm như sau:

Quỹ đầu tư phát triển được trích từ 12% lợi nhuận sau thuế. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ 5% lợi nhuận sau thuế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty được áp dụng mức thuế ưu đãi 10%, miễn thuế trong vòng 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2007), giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với hoạt động thu phí đường bộ theo hướng dẫn tại điều 19 và điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi sau đó chia cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh điện năng, xây lắp, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh. Trong năm ngoài doanh thu thu cước đường bộ, Công ty còn phát sinh doanh thu hoạt động dịch vụ công ích nhưng chiếm tỷ lệ dưới 10%, do vậy Báo cáo tài chính không lập và trình bày báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt	5.752.571.348	2.271.263.813
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.584.361.521	6.446.031.075
Tổng	8.336.932.869	8.717.294.888

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam.

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	2.861.861.360	6.150.195.360
Ban quản lý dự án Khu dân cư mở rộng phường 6, Long An	1.383.761.000	1.383.761.000
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Trường THPT Tây Đô	1.130.601.000	4.573.553.000
Các đối tượng khác	347.499.360	192.881.360
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
c) Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-
Tổng	2.861.861.360	6.150.195.360

5.4 Phải thu khác

	31/12/2015(VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	8.740.796.861	667.359.558	2.540.879.588	667.359.558
Phải thu người lao động	7.527.183.857	-	1.447.215.768	-
Ký cược, ký quỹ	192.550.716	-	349.280.488	-
Phải thu khác	1.021.062.288	667.359.558	744.383.332	667.359.558
b) Dài hạn	17.930.773.120	-	17.930.773.120	-
Phải thu dài hạn khác	17.930.773.120	-	17.930.773.120	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An</i>	<i>17.930.773.120</i>	<i>-</i>	<i>17.930.773.120</i>	<i>-</i>
<i>(Dự án KDC Trung tâm mở rộng)</i>				
Tổng	26.671.569.981	667.359.558	20.471.652.708	667.359.558

Phải thu dài hạn của khoản đầu tư góp vốn vào dự án Khu dân cư Trung tâm mở rộng phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh tháng 5 năm 2011. Thông tin về dự án được trình bày tại Thuyết minh số 6.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.5 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015(VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	744.428.161	-	744.428.161	-
Ông Ngô Văn Quang	116.574.900	-	116.574.900	-
Ông Trương Bá Tòng	325.977.668	-	325.977.668	-
Nợ xấu của các đối tượng khác	301.875.593	-	301.875.593	-
<i>Trong đó:</i>				
	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Ông Ngô Văn Quang	-	-	-	116.574.900
Ông Trương Bá Tòng	-	-	-	325.977.668
Nợ xấu của các đối tượng khác	-	-	-	301.875.593

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2015(VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	459.324.810	-	394.683.700	-
Công cụ, dụng cụ	34.227.650	-	13.400.760	-
Chi phí SX KDDD	14.372.646.125	-	295.741.685	-
Tổng	14.866.198.585	-	703.826.145	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2015	783.015.579.678	6.835.612.021	5.213.297.055	605.480.414	795.669.969.168
Tăng trong năm	987.415.644.583	1.921.974.581	3.770.487.545	288.612.091	993.396.718.800
Mua trong năm	33.150.000	488.636.363	3.770.487.545	67.980.000	4.360.253.908
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	987.382.494.583	1.433.338.218	-	220.632.091	989.036.464.892
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	1.770.431.224.261	8.757.586.602	8.983.784.600	894.092.505	1.789.066.687.968
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2015	582.365.468.146	6.530.485.414	2.543.180.823	175.887.233	591.615.021.616
Tăng trong năm	111.060.706.495	181.025.326	575.615.858	93.833.143	111.911.180.822
Khấu hao trong năm	111.060.706.495	181.025.326	575.615.858	93.833.143	111.911.180.822
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	693.426.174.641	6.711.510.740	3.118.796.681	269.720.376	703.526.202.438
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	200.650.111.532	305.126.607	2.670.116.232	429.593.181	204.054.947.552
Tại ngày 31/12/2015	1.077.005.049.620	2.046.075.862	5.864.987.919	624.372.129	1.085.540.485.530

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2015 là: 3.894.907.862 đồng (tại 31/12/2014 là: 1.548.699.228 đồng).

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2015	915.724.800	915.724.800
Số dư tại 31/12/2015	<u>915.724.800</u>	<u>915.724.800</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2015	773.885.525	773.885.525
Tăng trong năm	28.757.148	28.757.148
Khấu hao trong năm	28.757.148	28.757.148
Số dư tại 31/12/2015	<u>802.642.673</u>	<u>802.642.673</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2015	<u>141.839.275</u>	<u>141.839.275</u>
Tại 31/12/2015	<u>113.082.127</u>	<u>113.082.127</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là: 714.424.800 đồng (tại ngày 31/12/2014 là: 714.424.800 đồng).

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Dự án đường Hà Huy Giáp, Quận 12	3.491.800.942	3.491.800.942
Dự án đầu tư bổ sung một số hạng mục giao thông trên tuyến Quốc lộ 1A	16.198.603.565	724.832.129.725
Dự án Đầu tư bổ sung nút giao Quốc lộ 1A Hương lộ 2	64.631.937.229	185.377.668.232
Sửa chữa lớn tài sản cố định	284.000.000	-
Các dự án khác	19.608.311	19.356.400
Tổng	<u>84.625.950.047</u>	<u>913.720.955.299</u>

5.10 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.770.109.389	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.770.109.389	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.11 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	17.934.535.706	17.934.535.706	25.140.548.638	25.140.548.638
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Lê Hà	5.671.667.920	5.671.667.920	1.835.905.917	1.835.905.917
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	1.518.144.227	1.518.144.227	-	-
Công ty Cổ phần kỹ thuật Đông Phương	1.231.572.694	1.231.572.694	2.590.082.629	2.590.082.629
Công ty TNHH LEXIM	1.693.600.000	1.693.600.000	-	-
Công ty TNHH TM DV và Xây dựng Thiên Vũ	1.519.024.493	1.519.024.493	-	-
Công ty Cổ phần Đạt Phương	-	-	4.326.228.325	4.326.228.325
Liên danh công ty cầu 14 - Công ty Xây dựng Giao thông	-	-	5.043.909.436	5.043.909.436
Các đối tượng khác	6.300.526.372	6.300.526.372	11.344.422.331	11.344.422.331
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	17.934.535.706	17.934.535.706	25.140.548.638	25.140.548.638
Trong đó:				
c. Phải trả các bên liên quan	1.845.092.151	1.845.092.151	1.813.348.140	1.813.348.140
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO	-	-	1.522.129.940	1.522.129.940
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	320.050.700	320.050.700	291.218.200	291.218.200
Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng Idico Vinacontrol	6.897.224	6.897.224	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	1.518.144.227	1.518.144.227	-	-

5.12 Thuế và các khoản phải nộp/Phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2015
Phải nộp	612.288.275	5.854.616.495	3.675.830.471	2.791.074.299
Thuế thu nhập doanh nghiệp	462.715.871	4.865.149.964	2.582.499.414	2.745.366.421
Thuế thu nhập cá nhân	149.572.404	985.466.531	1.089.331.057	45.707.878
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phải thu	59.491.683	17.390.793.920	17.392.365.920	61.063.683
Thuế GTGT	-	17.390.793.920	17.392.365.920	1.572.000
Thuế nhập khẩu còn được hoàn	59.491.683	-	-	59.491.683
Tổng	552.796.592	23.245.410.415	21.068.196.391	2.730.010.616

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	35.402.187.790	-
Chi phí duy tu bảo dưỡng các hạng mục trên tuyến Quốc lộ 1A đoạn An Sương - An Lạc	35.402.187.790	-
b) Dài hạn	-	-
Tổng	35.402.187.790	-

5.14 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.421.708.594	11.996.294.587
Kinh phí công đoàn	50.100.174	41.886.454
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	109.458.000	133.091.834
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	833.520.190	371.621.130
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.428.630.230	11.449.695.169
<i>Phải trả các đội thi công của Công ty</i>	<i>2.093.735.980</i>	<i>11.159.176.941</i>
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>334.894.250</i>	<i>290.518.228</i>
b) Dài hạn	7.210.914.011	7.210.914.011
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.210.914.011	7.210.914.011
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An (IDICO - LINCO)	3.088.608.011	3.088.608.011
- Ủy ban nhân dân Quận Bình Tân	4.122.306.000	4.122.306.000
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Tổng	10.632.622.605	19.207.208.598

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm
a) Vay ngắn hạn	-	-	19.310.004.480	25.527.177.152
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	14.298.959.464	20.516.132.136
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	-	5.011.045.016	5.011.045.016
b) Vay dài hạn	808.718.748.004	808.718.748.004	42.944.387.109	48.720.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	808.718.748.004	808.718.748.004	42.944.387.109	48.720.000.000
Tổng	808.718.748.004	808.718.748.004	62.254.391.589	74.247.177.152
				820.711.533.567

Vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201402329 ngày 23 tháng 9 năm 2014. Số tiền vay theo Hợp đồng 320.446.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư bổ sung công trình xây dựng nút giao thông tại giao lộ Quốc lộ 1/ Hương lộ 2 (giai đoạn 3) thuộc dự án BOT cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1, đoạn An Suông - An Lạc. Thời hạn cho vay là 174 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời gian ân hạn 09 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất đang áp dụng 11% cho 12 tháng đầu, sau đó lãi suất cho vay bằng lãi tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng, trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố có hiệu lực kể từ ngày giải ngân cộng 3,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ Quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Suông - An Lạc (Km 1901-Km 1915) địa phận Thành phố Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh theo Hợp đồng điều chỉnh B.O.T số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003; Phụ lục Hợp đồng số 3979/2011/PLHD-B.O.T ngày 01/09/2011 và Phụ lục Hợp đồng 2 số 23969/PLHD-B.O.T ngày 22/09/2014. Số dư tại ngày 31/12/2015 là 227.249.748.004 đồng.

Vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201101490 ngày 18 tháng 10 năm 2011. Số tiền vay theo hợp đồng 630.469.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư xây dựng các hạng mục bổ sung thuộc sự án cải tạo nâng cấp Quốc Lộ 1A đoạn An Suông - An Lạc theo phụ lục hợp đồng BOT số 3979/2011/PLHD-B.O.T ngày 01/9/2011 của Hợp đồng điều chỉnh B.O.T số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003. Thời hạn vay là 9,5 năm (thời gian ân hạn gốc 2,5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian trả nợ gốc là 7 năm kể từ ngày kế tiếp của ngày kết thúc thời gian ân hạn). Lãi suất cho vay theo công bố của Eximbank. Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Suông - An Lạc (Km 1901-Km 1915) địa phận Thành phố Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh theo Phụ lục Hợp đồng số 3979/2011/PLHD-B.O.T ngày 01/09/2011 của Hợp đồng điều chỉnh B.O.T số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003. Số dư tại 31/12/2015 là 581.469.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.16 Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	249.492.000.000	15.881.880.881	6.016.752.734	46.663.105.143	318.053.738.758
Tăng trong năm	-	1.881.175.671	1.128.705.403	36.592.370.680	39.602.251.754
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	36.592.370.680	36.592.370.680
Phân phối lợi nhuận	-	1.881.175.671	1.128.705.403	-	3.009.881.074
Giảm trong năm	-	-	-	4.138.586.477	4.138.586.477
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.881.175.671	1.881.175.671
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	1.128.705.403	1.128.705.403
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	1.128.705.403	1.128.705.403
Số dư tại 31/12/2014	249.492.000.000	17.763.056.552	7.145.458.137	79.116.889.346	353.517.404.035
Số dư tại 01/01/2015	249.492.000.000	24.908.514.689	-	79.116.889.346	353.517.404.035
Tăng trong năm	-	4.391.084.482	-	57.770.150.288	62.161.234.770
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	57.770.150.288	57.770.150.288
Phân phối lợi nhuận	-	4.391.084.482	-	-	4.391.084.482
Giảm trong năm	-	-	-	46.139.423.016	46.139.423.016
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	4.391.084.482	4.391.084.482
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	1.829.618.534	1.829.618.534
Chi trả cổ tức năm 2014	-	-	-	39.918.720.000	39.918.720.000
Số dư tại 31/12/2015	249.492.000.000	29.299.599.171	-	90.747.616.618	369.539.215.789

Trong năm 2015, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị nghị số 02/NQ-HDQT ngày 25/6/2015. Theo đó, Công ty trích quỹ đầu tư phát triển với tỷ lệ 12% trên lợi nhuận sau thuế và trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế.

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận kinh doanh vốn điều lệ của Công ty là 249.492.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ được góp đủ như sau:

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tổng Công ty Đầu Tư Phát Triển Đô Thị và Khu Công Nghiệp Việt Nam - TNHH Một Thành Viên	93.559.500.000	93.559.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO	20.439.100.000	24.949.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	24.949.200.000	24.949.200.000
Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	24.949.200.000	24.949.200.000
Vốn góp của đối tượng khác	85.595.000.000	81.084.900.000
Tổng	249.492.000.000	249.492.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	249.492.000.000	249.492.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	249.492.000.000	249.492.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	39.918.720.000	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2015 Cổ phiếu	01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.949.200	24.949.200
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.949.200	24.949.200
Cổ phiếu phổ thông	24.949.200	24.949.200
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	29.299.599.171	24.908.514.689
Tổng	29.299.599.171	24.908.514.689

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.17 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu thu cước đường bộ	301.952.136.360	172.319.345.457
Doanh thu hoạt động xây lắp	-	7.139.851.889
Doanh thu hoạt động dịch vụ công ích	1.498.334.000	-
Tổng	303.450.470.360	179.459.197.346
Doanh thu thuần	303.450.470.360	179.459.197.346

5.18 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn thu cước đường bộ	170.380.656.739	103.834.544.087
Giá vốn hoạt động xây lắp	-	6.646.887.604
Giá vốn hoạt động dịch vụ công ích	1.329.594.250	-
Tổng	171.710.250.989	110.481.431.691

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.265.592.038	325.818.576
Cổ tức, lợi nhuận được chia	442.947.000	1.771.788.000
Lãi từ hoạt động chuyển nhượng vốn	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu	82.000.400	-
Sản xuất Gia công và Bao bì (Packsimex)	-	-
Tổng	1.790.539.438	2.097.606.576

5.20 Chi phí tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	24.529.413.461	2.970.704.385
Tổng	24.529.413.461	2.970.704.385

5.21 Chi phí bán hàng

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên	25.516.384.719	14.456.919.861
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.843.101.233	1.802.280.524
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	559.870.770	944.715.830
Chi phí khấu hao TSCĐ	374.377.413	202.202.289
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.157.835.180	2.806.303.480
Chi phí bằng tiền khác	1.037.053.659	810.407.020
Tổng	32.488.622.974	21.022.829.004

5.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.159.586.778	6.551.849.120
Chi phí vật liệu quản lý	265.205.071	88.200.555
Chi phí đồ dùng văn phòng	389.247.709	294.726.424
Chi phí khấu hao TSCĐ	386.720.569	362.431.612
Thuế phí và lệ phí	252.566.006	80.697.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	587.692.614	513.297.240
Chi phí bằng tiền khác	2.801.964.878	1.241.792.776
Tổng	15.842.983.625	9.132.995.507

5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	60.828.094.820	38.458.045.706
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>36.175.930.600</i>	<i>627.242.810</i>
<i>Thù lao của hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia sản xuất kinh doanh</i>	<i>773.742.810</i>	<i>627.242.810</i>
<i>Chi phí trích trước</i>	<i>35.402.187.790</i>	-
<i>Chi phí không được trừ</i>	-	-
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>442.947.000</i>	<i>1.771.788.000</i>
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức</i>	<i>442.947.000</i>	<i>1.771.788.000</i>
<i>Thu nhập khác</i>	-	-
Thu nhập chịu thuế	96.561.078.420	37.313.500.516
Thu nhập từ hoạt động khác	-	-
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	<i>10%</i>	<i>10%</i>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	9.656.107.842	3.731.350.052
Thuế thu nhập được miễn giảm 50%	4.828.053.921	1.865.675.026
Thuế TNDN hiện hành	4.828.053.921	1.865.675.026

Công ty được áp dụng mức thuế ưu đãi 10%, miễn thuế trong vòng 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2007), giảm 50% trong vòng 9 năm tiếp theo đối với hoạt động thu phí đường bộ theo hướng dẫn tại điều 19 và điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	57.770.150.288	36.592.370.680
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(2.888.507.514)	(1.829.618.534)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	54.881.642.774	34.762.752.146
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	24.949.200	24.949.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.200	1.393

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi sau đó chia cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Năm 2015, do chưa có Quyết định về việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi nên Công ty tạm trích theo tỷ lệ trích tại Nghị nghị số 02/NQ-HĐQT ngày 25/6/2015 với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế.

5.25 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.574.446.696	102.895.416.874
Chi phí nhân công	50.282.698.512	80.832.423.157
Chi phí khấu hao tài sản cố định	111.939.937.970	92.380.069.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.401.523.157	63.269.707.431
Chi phí khác bằng tiền	6.826.396.093	3.992.664.850
Tổng	219.025.002.428	343.370.281.613

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6 THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2015</u> VND	<u>Năm 2014</u> VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	2.407.991.722	2.343.760.322

Giao dịch với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2015</u> VND	<u>Năm 2014</u> VND
<u>Giao dịch mua</u>				
Công ty CP Tư vấn Đầu tư IDICO (IDICO INCON)	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Giám sát thi công	789.765.454	2.352.759.641
Công ty CP Kiểm định Xây dựng IDICO (IDICO - VINACONTROL)	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Chi phí thí nghiệm và kiểm tra chất lượng thi công	490.191.207	799.727.866
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Long An (IDICO - LINCO)	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Mua vật tư	-	7.981.808.594
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Thi công công trình	-	7.040.760.001
		Chi phí thi công công trình	1.993.231.419	-

Giao dịch khác

Tổng công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công Nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	Công ty mẹ	Chi trả cổ tức	13.971.552.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Chi trả cổ tức	3.991.872.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Long An (IDICO - LINCO)	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Thu lãi cho vay	231.750.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<u>Phải thu khách hàng</u>				
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Long An (IDICO - LINCO)	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Phải thu	-	1.383.761.000
<u>Phải thu khác</u>				
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Long An (IDICO - LINCO)	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Phải thu khác	17.930.773.120	17.930.773.120
<u>Phải trả người bán</u>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Phải trả người bán	-	1.522.129.940
Công ty CP Tư vấn đầu tư IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Phải trả người bán	320.050.700	291.218.200
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Phải trả người bán	1.518.144.227	-
<u>Trả trước cho nhà cung cấp</u>				
Công ty CP Kiểm định Xây dựng IDICO (IDICO - VINACONTROL)	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Trả trước cho nhà cung cấp	-	84.105.541
<u>Phải trả khác</u>				
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Long An (IDICO - LINCO)	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Phải trả khác	3.088.608.011	3.088.608.011

6.2 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.336.932.869	8.717.294.888
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.261.819.323	24.430.204.139
Đầu tư tài chính ngắn hạn	38.000.000.000	18.000.000.000
Tổng	67.598.752.192	51.147.499.027
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	808.718.748.004	820.711.533.567
Phải trả người bán và phải trả khác	28.567.158.311	44.347.757.236
Chi phí phải trả	35.402.187.790	-
Tổng	872.688.094.105	865.059.290.803

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính tuy nhiên Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư ... Các khoản đầu tư vào các công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2015			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	21.356.244.300	7.210.914.011	28.567.158.311
Chi phí phải trả	35.402.187.790	-	35.402.187.790
Các khoản vay	-	808.718.748.004	808.718.748.004
Tổng	56.758.432.090	815.929.662.015	872.688.094.105
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2015			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	37.136.843.225	7.210.914.011	44.347.757.236
Các khoản vay	6.217.172.672	814.494.360.895	820.711.533.567
Tổng	43.354.015.897	821.705.274.906	865.059.290.803

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.336.932.869	-	8.336.932.869
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.331.046.203	17.930.773.120	21.261.819.323
Đầu tư tài chính ngắn hạn	38.000.000.000	-	38.000.000.000
Tổng	49.667.979.072	17.930.773.120	67.598.752.192
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.717.294.888	-	8.717.294.888
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.499.431.019	17.930.773.120	24.430.204.139
Đầu tư tài chính ngắn hạn	18.000.000.000	-	18.000.000.000
Tổng	33.216.725.907	17.930.773.120	51.147.499.027

6.3 Thông tin hợp đồng hợp tác kinh doanh

Căn cứ theo hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh tháng 5 năm 2011 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO về “Dự án Khu dân cư Trung tâm mở rộng Phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An”. Dự án có thông tin cụ thể như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
Tổng mức đầu tư dự án	724.135.957.316
Trong đó cơ cấu vốn được xác định:	
70% vốn huy động hợp pháp	506.895.170.121
30% vốn góp của IDICO - LINCO và IDICO - IDI	217.240.787.195
Trong đó:	
IDICO - LINCO (70%)	152.068.551.037
IDICO - IDI (30%)	65.172.236.159
Đến 31/12/2015 IDICO - IDI đã góp	17.930.773.120

6.4 Thông tin so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư số 200/2014/TT/BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT/BTC kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 như sau:

Chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán	Tại 01/01/2015	Tại 01/01/2015
	Theo Thông tư 200 VND	Theo Quyết định 15 VND
TÀI SẢN		
Phải thu ngắn hạn khác	2.540.879.588	744.383.332
Tài sản ngắn hạn khác	-	1.796.496.256
Tổng phân loại tài sản	2.540.879.588	2.540.879.588
NGUỒN VỐN		
Quỹ đầu tư phát triển	24.908.514.689	17.763.056.552
Quỹ dự phòng tài chính	-	7.145.458.137
Tổng phân loại nguồn vốn	24.908.514.689	24.908.514.689
	Năm 2014	Năm 2014
Chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Theo Thông tư 200 VND	Theo Quyết định 15 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.393	1.467

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Trường Vũ



Nguyễn Văn Thọ



Nguyễn Hồng Ninh

